

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *13* /2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày *09* tháng *5* năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng  
tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý  
của tỉnh An Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017.

2. Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 152/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.



### Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân:

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa	Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa	Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa
18	30	18	60	18	30

b) Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin:

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp xã	
Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa	Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa	Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa
24	40	24	40	24	30

c) Tiêu chuẩn, định mức diện tích hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên, nhưng tối đa không vượt quá 500 chỗ ngồi); diện tích tối đa/chỗ ngồi như sau:

- Trường hợp không trang bị bàn viết (không bao gồm diện tích sân khấu): tối đa 0,8m<sup>2</sup>/chỗ ngồi.

- Trường hợp có trang bị bàn viết (không bao gồm diện tích sân khấu): tối đa 1,8m<sup>2</sup>/chỗ ngồi.

d) Tiêu chuẩn, định mức kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án:

*Đơn vị tính: m<sup>2</sup>*

Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	
Diện tích sàn kho tối thiểu	Diện tích sàn kho tối đa
20	Số mét giá tài liệu cần bảo quản/5

đ) Trong trường hợp cần thiết phải bố trí diện tích chuyên dùng vượt quy định tại điểm a, b, c, d khoản này, thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đề nghị bằng văn bản đến cơ quan quản lý cấp trên là các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện) để rà soát và gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng là Trụ sở tiếp công dân tỉnh, Hội trường tỉnh, Trung tâm hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và xã, Trung tâm hội nghị, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm lưu trữ và công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định cho từng dự án cụ thể (theo phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc đầu tư, xây dựng, bố trí trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) theo quy mô, biên chế được duyệt, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp tại đơn vị.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách khi được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng theo đúng quy định.

#### **Điều 5. Xử lý chuyên tiếp**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này. Trường hợp do thay đổi về cơ cấu tổ chức biên chế dẫn tới thay đổi (tăng hoặc giảm) nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù cần phải điều chỉnh dự án thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp điều chỉnh dự án đầu tư cho phù hợp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền theo phân cấp xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.


## Điều 6. Điều khoản thi hành


1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2019.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 6.;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website Chính phủ, Website tỉnh An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH, TT. Công báo - Tin học.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Lê Văn Nưng**